



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007  
**Đầu tư số** 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận** 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005  
**Đăng ký Doanh nghiệp số**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kiều Diễm	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 9 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo soát xét số: 21-01-00326-21-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>372.370.270.569</b>	<b>424.061.826.236</b>
Tiền	110	7	5.536.614.695	16.400.170.485
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>180.900.000.000</b>	<b>166.900.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	180.900.000.000	166.900.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>89.109.247.712</b>	<b>164.119.377.265</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	49.619.349.650	35.095.466.541
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	30.856.862.527	124.541.302.087
Phải thu ngắn hạn khác	136		8.633.035.535	4.482.608.637
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11(a)</b>	<b>93.639.362.038</b>	<b>74.287.500.157</b>
Hàng tồn kho	141		94.052.961.445	74.287.500.157
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(413.599.407)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.185.046.124</b>	<b>2.354.778.329</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.185.046.124	2.354.778.329
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>997.518.789.959</b>	<b>753.127.533.270</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>636.032.458.505</b>	<b>681.499.739.825</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	636.032.458.505	681.499.739.825
Nguyên giá	222		1.490.522.290.603	1.488.497.902.470
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(854.489.832.098)	(806.998.162.645)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>296.066.273.496</b>	<b>2.216.320.512</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	296.066.273.496	2.216.320.512
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.420.057.958</b>	<b>9.411.472.933</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.584.702.934	4.308.305.083
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		899.718.897	809.510.339
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	1.935.636.127	4.293.657.511
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.369.889.060.528</b>	<b>1.177.189.359.506</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>619.202.908.334</b>	<b>499.542.417.903</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>390.574.637.738</b>	<b>400.357.705.903</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15(a)	25.144.205.608	15.743.532.585
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.088.538	55.093.885
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	127.130.791.550	129.836.044.140
Phải trả người lao động	314		7.244.631.383	9.115.684.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	9.510.297.699	9.568.999.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.405.158.470	11.193.085.406
Vay ngắn hạn	320	19	203.499.831.998	216.179.407.236
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	6.599.632.492	8.665.859.293
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>228.628.270.596</b>	<b>99.184.712.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	15(b)	228.628.270.596	99.184.712.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>750.686.152.194</b>	<b>677.646.941.603</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>750.686.152.194</b>	<b>677.646.941.603</b>
Vốn cổ phần	411	22	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		264.085.901.922	191.046.691.331
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		189.993.100.844	90.184.319.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		74.092.801.078	100.862.371.812
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.369.889.060.528</b>	<b>1.177.189.359.506</b>

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Võ Thanh Cường  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	617.887.152.154	475.931.365.946
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	1.232.088.251	387.515.538
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b> (10 = 01 - 02)	10	25	616.655.063.903	475.543.850.408
Giá vốn hàng bán	11	26	526.459.714.220	415.852.819.274
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	20		90.195.349.683	59.691.031.134
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.213.228.640	2.625.796.431
Chi phí tài chính	22	28	11.154.191.080	2.522.500.135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.112.106.335	2.228.015.961
Chi phí bán hàng	25	29	3.838.215.970	5.229.699.536
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6.678.254.745	6.122.423.125
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		83.737.916.528	48.442.204.769
Thu nhập khác	31		2.947.252.412	812.209.861
Chi phí khác	32		1.100.821.975	347.639.882
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> (40 = 31 - 32)	40		1.846.430.437	464.569.979
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	50		85.584.346.965	48.906.774.748
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	6.842.754.445	4.245.068.771
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(90.208.558)	(16.888.661)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52)	60		78.831.801.078	44.678.594.638
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.649	917

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Võ Thanh Cường  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Bùi Thị Như  
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>85.584.346.965</b>	<b>48.906.774.748</b>
	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		
	Khấu hao và phân bổ	47.491.669.453	44.189.425.181
	Các khoản dự phòng	1.248.828.670	224.780.981
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.205.362.968)	34.230.620
	Thu nhập lãi tiền gửi	(6.717.585.411)	(2.433.710.801)
	Chi phí lãi vay	5.112.106.335	2.228.015.961
	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>130.514.003.044</b>	<b>93.149.516.690</b>
	Biến động các khoản phải thu	(13.499.985.719)	(61.662.704.658)
	Biến động hàng tồn kho	(18.242.669.167)	42.610.900.725
	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	13.800.968.825	82.283.495.205
	Biến động chi phí trả trước	893.334.354	812.327.135
		<b>113.465.651.337</b>	<b>157.193.535.097</b>
	Tiền lãi vay đã trả	(5.088.314.227)	(2.258.875.330)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.158.170.964)	(4.296.694.179)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(7.595.867.447)	(8.575.932.595)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>97.623.298.699</b>	<b>142.062.032.993</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
	Tiền chi mua sắm tài sản cố định	(83.141.107.808)	(12.670.290.730)
	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	(66.500.000.000)	(125.200.000.000)
	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	52.500.000.000	14.000.000.000
	Tiền thu lãi tiền gửi	1.559.537.742	520.992.441
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(95.581.570.066)</b>	<b>(123.349.298.289)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		572.048.424.257	278.425.826.059
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(584.810.697.495)	(271.593.388.059)
Tiền chi trả cổ tức	36		(142.980.000)	(6.285.684.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.905.253.238)</b>	<b>546.753.600</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(10.863.524.605)</b>	<b>19.259.488.304</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>16.400.170.485</b>	<b>13.615.200.518</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền</b>	<b>61</b>		<b>(31.185)</b>	<b>7.575.660</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>5.536.614.695</b>	<b>32.882.264.482</b>

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập:

Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người/duyet:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSQ.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 196 nhân viên (1/1/2021: 196 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia; Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

**5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam trong giai đoạn gần đây và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**6. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>			
Doanh thu	585.340.034.807	31.315.029.096	616.655.063.903
Giá vốn	(502.637.075.449)	(23.822.638.771)	(526.459.714.220)
	<b>82.702.959.358</b>	<b>7.492.390.325</b>	<b>90.195.349.683</b>
<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>			
Doanh thu	392.735.319.658	82.808.530.750	475.543.850.408
Giá vốn	(350.686.352.984)	(65.166.466.290)	(415.852.819.274)
	<b>42.048.966.674</b>	<b>17.642.064.460</b>	<b>59.691.031.134</b>

**7. Tiền**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Tiền mặt	93.763.055	175.325.801
Tiền gửi ngân hàng	5.442.851.640	16.224.844.684
	<b>5.536.614.695</b>	<b>16.400.170.485</b>

**8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,9% đến 5,9% một năm (1/1/2021: từ 5,6% đến 6,7% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị 30.500 triệu VND (1/1/2021: 34.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 6,1% một năm (1/1/2021: từ 5,5% đến 6,1% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị là 60.000 triệu VND (1/1/2021: 60.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 15(b)).

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.716.277.020	27.088.991.479
International Consolidated Business Pty Ltd	6.865.723.530	4.710.717.648
Công ty TNHH Amico Gold	-	2.083.824.509
Các khách hàng khác	1.037.349.100	1.211.932.905
	49.619.349.650	35.095.466.541

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị là 49.619 triệu VND (1/1/2021: 35.095 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.716.277.020	27.088.991.479
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	231.000.000	-
	41.947.277.020	27.088.991.479

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	30.564.469.467	76.200.000.000
Krones AG	-	32.270.568.010
Các nhà cung cấp khác	292.393.060	16.070.734.077
	30.856.862.527	124.541.302.087

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 27.786 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2021: 113.058 triệu VND).

**11. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	1.142.330.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	36.822.204.970	-	31.094.934.125	-
Công cụ và dụng cụ	4.189.517.382	(413.599.407)	3.125.488.147	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.942.100.148	-	19.111.445.183	-
Thành phẩm	31.956.808.945	-	20.856.539.082	-
Hàng hóa	-	-	99.093.620	-
	94.052.961.445	(413.599.407)	74.287.500.157	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 93.639 triệu VND (1/1/2021: 74.288 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh số dự phòng trích lập trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: Không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	13.509.237.843	(11.573.601.716)	15.032.029.964	(10.738.372.453)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.738.372.453	6.539.923.413
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.025.112.971	1.464.317.867
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(189.883.708)	(1.239.536.886)
Số dư cuối kỳ	<u>11.573.601.716</u>	<u>6.764.704.394</u>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	268.164.503.860	1.210.451.647.897	8.677.574.119	659.276.541	544.900.053	1.488.497.902.470
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.024.388.133	-	-	-	-	2.024.388.133
Số dư cuối kỳ	270.188.891.993	1.210.451.647.897	8.677.574.119	659.276.541	544.900.053	1.490.522.290.603
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	101.685.523.806	696.537.873.705	7.768.725.275	646.726.027	359.313.832	806.998.162.645
Khấu hao trong kỳ	5.870.739.423	41.381.194.678	213.512.262	10.757.574	15.465.516	47.491.669.453
Số dư cuối kỳ	107.556.263.229	737.919.068.383	7.982.237.537	657.483.601	374.779.348	854.489.832.098
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	166.478.980.054	513.913.774.192	908.848.844	12.550.514	185.586.221	681.499.739.825
Số dư cuối kỳ	162.632.628.764	472.532.579.514	695.336.582	1.792.940	170.120.705	636.032.458.505

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 15.937 triệu VND (1/1/2021: 15.308 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 122.827 triệu VND (1/1/2021: 128.176 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19) và các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 15(b)).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	2.216.320.512	24.541.679.935
Tăng trong kỳ	295.874.341.117	109.820.353.163
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.024.388.133)	(131.759.616.624)
Số dư cuối kỳ	296.066.273.496	2.602.416.474

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 3.766 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: Không).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án mở rộng sản xuất	295.124.711.536	1.241.486.284
Hệ thống xử lý nước thải	712.987.500	747.561.501
Các công trình khác	228.574.460	227.272.727
	296.066.273.496	2.216.320.512

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.182.547.511	125.757.572	4.308.305.083
Phân bổ trong kỳ	(1.597.844.577)	(125.757.572)	(1.723.602.149)
Số dư cuối kỳ	2.584.702.934	-	2.584.702.934

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có</b>	
	<b>khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.543.825.696	2.660.790.712
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	1.066.142.457	5.463.544.988
Các nhà cung cấp khác	10.534.237.455	7.619.196.885
	25.144.205.608	15.743.532.585

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có</b>	
	<b>khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.543.825.696	2.660.790.712
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	72.806.800	470.618.500
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	57.970.000	61.380.000
	131.776.800	532.000.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có</b>	
	<b>khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Krones AG	228.628.270.596	99.184.712.000
	228.628.270.596	99.184.712.000

Phải trả dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 60.000 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 60.000 triệu VND) (Thuyết minh 8(b)) và bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 108.726 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 112.632 triệu VND) (Thuyết minh 12). Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả dài hạn cho Krones AG đến ngày thanh toán là 6.325 triệu VND (1/1/2021: 2.559 triệu VND đến ngày thanh toán). Phải trả người bán dài hạn sẽ được thanh toán từ năm 2022 đến năm 2024.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	111.473.893.188	546.708.777.923	(562.949.537.941)	95.233.133.170
Thuế giá trị gia tăng	14.252.006.554	127.029.844.533	(116.061.405.032)	25.220.446.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.938.702.957	6.842.754.445	(3.158.170.964)	6.623.286.438
Thuế thu nhập cá nhân	1.171.441.441	390.758.566	(1.508.274.120)	53.925.887
Các loại thuế khác	-	6.563.011.496	(6.563.011.496)	-
	<u>129.836.044.140</u>	<u>687.535.146.963</u>	<u>(690.240.399.553)</u>	<u>127.130.791.550</u>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	8.684.705.071	8.660.912.963
Thù lao Hội đồng Quản trị	57.940.765	105.130.527
Chi phí khác	767.651.863	802.955.516
	<u>9.510.297.699</u>	<u>9.568.999.006</u>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	9.040.911.500	9.183.891.500
Phải trả khác	2.364.246.970	2.009.193.906
	<u>11.405.158.470</u>	<u>11.193.085.406</u>



**Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	216.179.407.236	572.048.424.257	(584.810.697.495)	82.698.000	203.499.831.998	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	4,5%	115.917.268.500	50.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	USD	3,0%	-	60.193.452.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	4,5%	68.500.000.000	69.985.955.236
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	USD	2,5%	19.082.563.498	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (iii)	VND	4,5%	-	35.500.000.000
			203.499.831.998	216.179.407.236

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 180.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 73.304 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 57.731 triệu VND) (Thuyết minh 11(a)) và bằng phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 49.619 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 35.095 triệu VND) (Thuyết minh 9(a)).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.500 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 34.500 triệu VND) (Thuyết minh 8(a)).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 20.335 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 16.557 triệu VND) (Thuyết minh 11(a)) và bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.101 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 15.544 triệu VND) (Thuyết minh 12). Khoản vay này không có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	8.665.859.293	12.293.791.779
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	1.053.590.487	(1.064.216.556)
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	4.639.000.000	3.393.088.400
Sử dụng trong kỳ	(7.758.817.288)	(8.751.388.928)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.599.632.492	5.871.274.695



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2021</b>	<b>và 1/1/2021</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.697.578.275	1.697.578.275
Từ hai đến năm năm	6.790.313.099	6.790.313.099
Sau năm năm	36.881.632.104	37.723.444.892
	45.369.523.478	46.211.336.266



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) **Ngoại tệ**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	493	11.315.557	244.679	5.627.237.309
EUR	36	977.945	682	19.199.880
		12.293.502		5.646.437.189

(c) **Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	151.023.243.409	348.889.111.987

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	613.262.008.866	472.712.023.706
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.159.962.573.901	844.703.062.525
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(546.700.565.035)	(371.991.038.819)
▪ Bán phế liệu	4.625.143.288	3.219.342.240
	617.887.152.154	475.931.365.946
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.232.088.251	387.515.538
Doanh thu thuần	616.655.063.903	475.543.850.408

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	525.210.885.550	415.628.038.293
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1.248.828.670	224.780.981
	526.459.714.220	415.852.819.274

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi	6.717.585.411	2.433.710.801
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.155.223.168	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	340.420.061	192.085.630
	15.213.228.640	2.625.796.431

**28. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lãi vay	5.112.106.335	2.228.015.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.949.860.200	34.230.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.224.545	260.253.554
	11.154.191.080	2.522.500.135

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.423.139.178	4.101.775.914
Chi phí nhân viên	1.062.381.462	889.712.353
Chi phí bán hàng khác	352.695.330	238.211.269
	3.838.215.970	5.229.699.536

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.127.776.245	3.976.378.565
Chi phí khấu hao và phân bổ	486.676.464	484.468.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	369.905.245	550.025.572
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	163.519.639	154.711.619
Thuế và lệ phí	494.622.802	13.472.923
Chi phí quản lý khác	1.035.754.350	943.365.703
	6.678.254.745	6.122.423.125

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	463.982.682.884	315.962.640.893
Chi phí khấu hao và phân bổ	47.491.669.453	44.189.425.181
Chi phí nhân công và nhân viên	22.534.531.494	19.146.494.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.330.278.558	8.382.003.457
Chi phí khác	4.295.086.982	2.577.165.791



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	6.623.286.438	3.737.288.259
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	219.468.007	507.780.512
	6.842.754.445	4.245.068.771
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(90.208.558)	(16.888.661)
	6.752.545.887	4.228.180.110

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.584.346.965	48.906.774.748
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.837.652.045	7.336.016.212
Chi phí không được khấu trừ thuế	408.920.830	104.782.984
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	219.468.007	507.780.512
Ưu đãi thuế	(6.713.494.995)	(3.720.399.598)
	6.752.545.887	4.228.180.110



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b, Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	78.831.801.078	44.678.594.638
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.639.000.000)	(3.393.088.400)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	74.192.801.078	41.285.506.238
	<hr/>	<hr/>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.113.520.771.248	763.661.193.160
Mua nguyên vật liệu	383.213.487.084	230.966.365.890
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	275.900.000	148.800.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	588.670.300	567.362.720
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	105.724.000	121.200.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	119.306.510	87.801.542
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	626.530.523	591.784.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.426.360.000	2.272.203.000

-00-  
 IÁN  
 Y TH  
 AG  
 00C

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	228.628.270.596	94.690.424.463

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 9 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

